

Bản án số: **32/2025/DS-ST**

Ngày 28-4-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Thúc

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ ,TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **252/2024/TLST- DS** ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐST-DS ngày 28/3/2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: Lầu 8, số B N, phường H, quận C, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 và Giấy ủy quyền số 16/2024/UQ-CNĐN ngày 18/7/2024): Ông Nguyễn Văn N, chức vụ: Chuyên viên. (có mặt)

Địa chỉ: Ngân hàng TMCP S chi nhánh Đ, số A đường B, quận H, TP Đà Nẵng.

-Bị đơn: Bà Hoàng Thị N1, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A P, tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; các bản tự khai; các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP S ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ngày 10/04/2023 Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) – Chi nhánh Đ có ký hợp đồng với bà Hoàng Thị N1 theo hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 10/04/2023 (bao

gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của Bà N1, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 150,000,000đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân, thông qua 2 khoản vay.

Khoản vay thứ 1: Đối với thẻ tín dụng quốc tế Cre Platinum 436438 – 6770.

Ngày bắt đầu giải ngân của khoản vay này là ngày 25/4/2023.

Đến ngày 25/11/2023 Bà N1 đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 42.100.000đồng. Bà N1 đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 32.001.900đồng. Trong đó: phí trễ hạn: 200.000đồng, phí 1.100.900đồng, lãi phát sinh 948.194đồng và thanh toán gốc 29.752.806đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 26/11/2023 Bà N1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà N1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 28/4/2025, Bà N1 còn nợ ngân hàng:

Dư nợ gốc: 12.347.194 đồng

Lãi quá hạn: 8.208.961 đồng

Tổng cộng: 20.556.155 đồng

Đối với thẻ tín dụng quốc tế Cre Platinum 436438 – 6770 thì Lãi suất trong hạn: 2.48%/tháng; Lãi suất quá hạn: 3.72%/tháng (2.480%x150%)

Khoản vay thứ 2: Đối với thẻ TD nội địa - VTD SacombankPay 211251 – 5848

Ngày bắt đầu giải ngân của khoản vay này là ngày 25/4/2023.

Đến ngày 25/10/2023 Bà N1 đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 256.000.000đồng. Bà N1 đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 136.000.000đồng. Trong đó: phí 706.560đồng, lãi phát sinh 12.544.000đồng và thanh toán gốc 122.749.440đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Từ ngày 27/11/2023 đến ngày 28/4/2025 bà N1 tiếp tục thanh toán thêm số tiền 55.000.000đ gốc.

Đến ngày 26/11/2023 Bà N1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà N1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 28/4/2025, Bà N1 còn nợ ngân hàng:

Dư nợ gốc: 78.250.560 đồng

Lãi quá hạn: 77.303.127 đồng

Tổng cộng: 155.553.687 đồng

Đối với thẻ TD nội địa - VTD SacombankPay 211251 – 5848 thì Lãi suất trong hạn: 1.55%/tháng; Lãi suất quá hạn: 2.325%/tháng (1.55% x 150%.

Sau thời gian sử dụng thẻ, bà N1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 26/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà N1 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà N1 vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã quy định tại Hợp đồng nên Ngân hàng đã khởi kiện bà N1 ra Tòa án để yêu cầu bà N1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay theo quy định.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị N1 phải trả cho Ngân hàng số tiền: **143.039.229đ** (Một trăm bốn mươi ba triệu, không trăm ba mươi chín ngàn, hai trăm hai mươi chín đồng) trong đó tiền nợ gốc là **114.597.754đ**, tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 18/7/2024 là **28.441.475đ** và đề nghị Tòa án buộc bị đơn bà N1 phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2024 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Tính đến thời điểm ngày 28/4/2025 thì bà N1 còn nợ ngân hàng các khoản sau:

- Dư nợ gốc: 90.597.754 đồng
- Lãi quá hạn: 85.512.088 đồng
- Tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/4/2025 là: 176.109.842 đồng.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án buộc bà Hoàng Thị N1

phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/4/2025 là 176.109.842 đồng, trong đó:

- Dư nợ gốc: 90.597.754 đồng
- Lãi quá hạn: 85.512.088 đồng

Và buộc bà Hoàng Thị N1 có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 29/4/2025 cho đến khi trả hết khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

**Bị đơn bà Hoàng Thị N1 đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để bà N1 trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng tại tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay bà N1 vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn bà Hoàng Thị N1.

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Hoàng Thị N1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227 BLTTDS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bà Hoàng Thị N1.

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Hoàng Thị N1. Buộc bà Hoàng Thị N1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc, nợ lãi được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 28/4/2025 tổng cộng là 176.109.842 đồng, trong đó: nợ gốc 90.597.754 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 28/4/2025 là 85.512.088 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm bà N1 phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Hoàng Thị N1 và

Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Hoàng Thị N1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn bà Hoàng Thị N1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị N1 phải trả cho Ngân hàng số tiền: **143.039.229đ** (Một trăm bốn mươi ba triệu, không trăm ba mươi chín ngàn, hai trăm hai mươi chín đồng) trong đó tiền nợ gốc là **114.597.754đ**, tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 18/7/2024 là **28.441.475đ** và đề nghị Tòa án buộc bị đơn bà N1 phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2024 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc, nợ lãi mà Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Hoàng Thị N1 phải thanh toán tính đến ngày xét xử 28/4/2025 được điều chỉnh có tăng thêm, cụ thể: nợ gốc là 90.597.754 đồng, tiền nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/4/2025 là 85.512.088 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng yêu cầu bà N1 phải thanh toán tính đến ngày xét xử 28/4/2025 là: 176.109.842 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm lẻ chín ngàn, tám trăm bốn mươi hai đồng)

HĐXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Hoàng Thị N1 để triệu tập đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà N1 vẫn không đến Tòa án theo triệu tập do vậy bà N1 không có lời khai cung cấp cho Tòa án được.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào ngày 10/04/2023 Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1) – Chi nhánh Đ có ký hợp đồng với bà Hoàng Thị N1 theo hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 10/04/2023 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của Bà N1, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 150,000,000đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân, thông qua 2 khoản vay.

Khoản vay thứ 1: Đối với thẻ tín dụng quốc tế Cre Platinum 436438 – 6770.

Ngày bắt đầu giải ngân của khoản vay này là ngày 25/4/2023. Đối với thẻ tín dụng quốc tế Cre Platinum 436438 – 6770 thì Lãi suất trong hạn: 2.48%/tháng; Lãi suất quá hạn: 3.72%/tháng (2.480%x150%).

Đến ngày 25/11/2023 Bà N1 đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 42.100.000đồng. Bà N1 đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 32.001.900đồng. Trong đó: phí trễ hạn: 200.000đồng, phí 1.100.900đồng, lãi phát sinh 948.194đồng và thanh toán gốc 29.752.806đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 26/11/2023 bà N1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 28/4/2025 bà N1 còn nợ ngân hàng nợ gốc và lãi: 20.556.155đồng trong đó nợ gốc 12.347.194 đồng; nợ lãi quá hạn 8.208.961 đồng.

Khoản vay thứ 2: Đối với thẻ TD nội địa - VTD SacombankPay 211251 – 5848

Ngày bắt đầu giải ngân của khoản vay này là ngày 25/4/2023. Đối với thẻ TD nội địa - VTD SacombankPay 211251 – 5848 thì Lãi suất trong hạn: 1.55%/tháng; Lãi suất quá hạn: 2.325%/tháng (1.55% x 150%).

Đến ngày 25/10/2023 Bà N1 đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 256.000.000đồng. Bà N1 đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 136.000.000đồng. Trong đó: phí 706.560đồng, lãi phát sinh 12.544.000đồng và thanh toán gốc 122.749.440đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Từ ngày 27/11/2023 đến ngày 28/4/2025 bà N1 tiếp tục thanh toán thêm số tiền 55.000.000đ gốc.

Đến ngày 26/11/2023 Bà N1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà N1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 28/4/2025 bà N1 còn nợ ngân hàng nợ gốc và lãi: 155.553.687 đồng trong đó nợ gốc 78.250.560 đồng; nợ lãi quá hạn 77.303.127 đồng.

Sau thời gian sử dụng thẻ, bà N1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản

Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 26/11/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà N1 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà N1, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà N1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do bà Hoàng Thị N1 vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng nên việc Ngân hàng TMCP S chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu bà N1 phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử 28/4/2025 là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc và lãi mà Ngân hàng TMCP S khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Hoàng Thị N1 phải thanh toán tính đến ngày xét xử 28/4/2025 được điều chỉnh có tăng thêm, cụ thể: nợ gốc là 90.597.754 đồng, tiền nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử 28/4/2025 là 85.512.088 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng yêu cầu bà N1 phải thanh toán theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) gồm thẻ tín dụng quốc tế Cre Platinum 436438 – 6770; thẻ TD nội địa - VTD SacombankPay 211251 – 5848 tính đến ngày xét xử 28/4/2025 là: 176.109.842 đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm lẻ chín ngàn, tám trăm bốn mươi hai đồng).

[2.4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc bà Hoàng Thị N1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 28/4/2025 là 176.109.842 đồng (trong đó nợ gốc là 90.597.754 đồng, tiền nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử 28/4/2025 là 85.512.088 đồng) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Kể từ ngày 29/4/2025, bà N1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa bà Hoàng Thị N1 với Ngân hàng TMCP S ngày 10/04/2023 cho đến khi bà N1 thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm bà Hoàng Thị N1 phải chịu là 8.805.492đ (Tám triệu, tám trăm lẻ năm ngàn, bốn trăm chín mươi hai đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 3.575.981đ (Ba triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi một đồng) cho Ngân hàng TMCP S.

[2.6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị:

Căn cứ quy định tại Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với đối với bà Hoàng Thị N1. Buộc bà Hoàng Thị N1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc, nợ lãi được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 28/4/2025 tổng cộng là 176.109.842 đồng, trong đó: nợ gốc 90.597.754 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 28/4/2025 là 85.512.088 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm bà N1 phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019
- Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Hoàng Thị N1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc bà Hoàng Thị N1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 28/4/2025 tổng cộng là **176.109.842** đồng (Một trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm lẻ chín ngàn, tám trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc là **90.597.754** đồng ; nợ lãi tính đến ngày xét xử 28/4/2025 là **85.512.088** đồng.

Kể từ ngày 29/4/2025, bà Hoàng Thị N1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng

của Ngân hàng ngày 10/04/2023 được ký kết giữa bà Hoàng Thị N1 với Ngân hàng TMCP S cho đến khi bà N1 thanh toán xong khoản nợ gốc.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

-Bà Hoàng Thị N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **8.805.492đ** (Tám triệu, tám trăm lẻ năm ngàn, bốn trăm chín mươi hai đồng).

-Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm **3.575.981đ** (Ba triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn, chín trăm tám mươi một đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001932 ngày 16/10/2024 (Biên lai thu trực tuyến số 000002014745 ngày 15/10/2024) tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cẩm Lệ.

III. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Ngân hàng TMCP S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bà Hoàng Thị N1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh N2

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh N2

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

Tôi xin cung cấp cho Tòa án một số nội dung sau:

Ngày 19/4/2017, ông Huỳnh Thanh Tú có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án.

Theo thỏa thuận hợp đồng, ông Tú vay theo hình thức tín chấp; thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 30/4/2017 đến ngày 30/4/2020; lãi suất thỏa thuận trong hạn là 2,1%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do ông Tú vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng nên chúng tôi khởi kiện buộc ông Tú phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Số tiền ông Tú đã rút qua thẻ trong 4 lần, cụ thể:

Ngày 31/5/2017 rút số tiền 19.016.000đ

Ngày 31/7/2017 rút số tiền 500.000đ

Ngày 31/12/2017 rút số tiền 2.709.401đ

Ngày 31/01/2018 rút số tiền 357.800đ

Tổng cộng nợ gốc ông Tú đã vay thể hiện qua các lần rút tiền trong tài khoản là 22.633.201đ;

Quá trình vay, ông Tú đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 8.300.000đ. Cụ thể vào các ngày: Ngày 30/6/2017 trả 1.000.000đ; ngày 31/7/2017 trả 1.300.000đ; ngày 30/9/2017 trả 2.000.000đ; ngày 30/11/2017 trả 2.000.000đ; ngày 31/01/2018 trả 2.000.000đ.

Tuy nhiên hiện nay số tiền nợ gốc ông Tú phải trả cho Ngân hàng là: 21.401.662đ (gồm 14.333.201đ tiền đã rút từ tài khoản và 7.068.461đ tiền nợ lãi bị chuyển sang thành nợ gốc theo cam kết tại thỏa thuận vay)

Về số tiền lãi ông Tú phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chúng tôi là: 10.165.760đ số tiền lãi này được tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 27/8/2019 trong đó lãi trong hạn là 6.099.456đ; lãi quá hạn là 4.066.304đ.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh Tú phải trả cho Ngân hàng số tiền: 27.447.614đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm mười bốn đồng) trong đó tiền nợ gốc là 21.401.662đ, tiền nợ lãi tính đến ngày 12/12/2018 là 6.045.952đ và đề nghị ông Tú phải thanh toán tiếp số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/12/2018 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm ngày 27/8/2019 (ngày xét xử) thì số tiền nợ gốc và nợ lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông Tú phải thanh toán có tăng thêm, cụ thể: Nợ gốc: 21.401.662đ ; Nợ lãi: 10.165.760đ (lãi trong hạn là 6.099.456đ, lãi quá hạn là 4.066.304đ) Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông Tú phải thanh toán là: 31.567.382đ.

